

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu ít biến đổi, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 11/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước ít biến đổi, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 11/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 11/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-15cm và cao hơn TBNN từ 20-45cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 11/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 77cm, lên 23cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm đến ngày 13/03, sau lên lại theo triều.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm đến ngày 13/03, sau lên lại theo kỳ triều đầu tháng Hai Âm lịch.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm theo triều trong 2-3 ngày tới, sau xuống chậm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sông, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 13/03/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	11/3		10/03						12/3	13/3	14/3	15/3	16/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	135	-2	▼	3	▲	28	▲	132	131	132	135	140
					Hmin	12	3	▲	28	▲	5	▲	13	9	3	-4	-12
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	149	3	▲	7	▲	43	▲	146	145	148	153	159
					Hmin	4	6	▲	34	▲	19	▲	5	2	-4	-11	-19
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	130	1	▲	15	▲	28	▲	127	126	129	134	142
					Hmin	55	-1	▼	30	▲	20	▲	57	53	47	42	34
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	155	2	▲	3	▲	42	▲	152	151	153	156	159
					Hmin	15	4	▲	31	▲	13	▲	16	12	6	-1	-9
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	168	2	▲	13	▲	54	▲	165	164	167	171	177
					Hmin	13	6	▲	40	▲	40	▲	14	11	5	-2	-10
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	151	1	▲	7	▲	39	▲	149	148	151	155	161
					Hmin	9	6	▲	37	▲	19	▲	10	7	1	-6	-14
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	59	-6	▼	11	▲	25	▲	60	59	58	57	56
					Hmin	30	-6	▼	11	▲	19	▲	29	28	27	26	25
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	48	-6	▼	12	▲	22	▲	49	48	47	46	45
					Hmin	39	-3	▼	10	▲	16	▲	38	37	36	35	34
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	53	-7	▼	8	▲	18	▲	54	53	52	51	50
					Hmin	46	-3	▼	10	▲	16	▲	45	44	43	42	41
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	54	-7	▼	7	▲	22	▲	55	54	53	52	51
					Hmin	46	-4	▼	8	▲	19	▲	45	44	43	42	41
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	60	-7	▼	7	▲	21	▲	61	60	59	58	57
					Hmin	53	-2	▼	8	▲	20	▲	52	51	50	49	48
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	65	-3	▼	6	▲	28	▲	68	67	66	65	64
					Hmin	34	-5	▼	8	▲	19	▲	33	31	29	26	23
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	76	-3	▼	7	▲	40	▲	79	78	77	76	75
					Hmin	55	-6	▼	7	▲	29	▲	54	52	50	47	44
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	62	-4	▼	6	▲	22	▲	65	64	63	62	61
					Hmin	50	-2	▼	5	▲	19	▲	49	47	45	42	39
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	43	-5	▼	8	▲	22	▲	46	45	44	43	42
					Hmin	30	-3	▼	4	▲	14	▲	29	27	25	22	19
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	94	-1	▼	8	▲	41	▲	97	96	95	94	93
					Hmin	72	-3	▼	10	▲	33	▲	71	69	67	64	61
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	122	2	▲	11	▲	45	▲	125	124	123	122	121
					Hmin	71	-2	▼	14	▲	28	▲	70	68	66	63	60
Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	89	0	▶	5	▲	27	▲	93	92	90	88	86
					Hmin	63	-2	▼	11	▲	20	▲	65	63	61	58	55
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	74	-1	▼	7	▲	24	▲	78	77	75	73	71
					Hmin	57	0	▶	8	▲	21	▲	59	57	55	52	49

Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	60	0	▶▶	9	▲	26	▲	64	63	61	59	57
					Hmin	47	2	▲	7	▲	29	▲	49	47	45	42	39
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	42	1	▲	9	▲	10	▲	43	42	40	38	36
					Hmin	21	14	▲	0	▶▶	35	▲	19	16	13	9	5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	77	23	▲	31	▲	38	▲	78	79	74	66	58
					Hmin	-5	11	▲	22	▲	23	▲	-8	-19	-17	-15	-12

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





